

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 72 /2021/DS-ST

Ngày: 29-6-2021

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - N phước**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 5, xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;(có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 1, Ấp 4, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 24/9, tổ 19, ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; (Vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm C, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm Sơn Đông, xã Hải C, huyện H Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 15, ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. (Vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà R, ông C: Ông Nguyễn Văn H (văn bản ủy quyền ngày 17/12/2020).

(Có mặt ông H, bà A, bà L; ông N vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông C, bà R vắng mặt đã ủy quyền cho ông H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cụ Nguyễn Văn U, sinh năm 1928, đã mất năm 2019 và cụ Nguyễn Thị Tha (tức Nguyễn Thị U), sinh năm 1930, đã mất năm 2007. Quá trình chung sống, cụ U và cụ Tha sinh được 06 người con gồm: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn N. Khi còn sống, cụ U và cụ Tha tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất 908m² tại thửa số 90, tờ số 35 xã H Lý, huyện H Hậu, trong đó 260m² đất ở; 382m² đất vườn tạp; 266m² đất ao nuôi cá, được Ủy ban nhân dân huyện H Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 31-12-1998 tên hộ ông Nguyễn Văn U. Ngoài ra, hai cụ còn xây dựng 01 nhà cấp bốn năm gian lợp ngói (không còn giá trị). Năm 2007, cụ Tha chết không để lại di chúc. Năm 2019, cụ U chết, trước khi chết cụ có để lại di chúc, nội dung di chúc thể hiện để lại nhà, đất của bố mẹ cho 04 anh chị em gồm bà R, bà A, bà L, ông C, trong đó không có tên ông H và ông N. Tuy nhiên, đến nay anh chị em bàn bạc thống nhất sẽ chia đều tài sản thừa đất của bố mẹ cho cả 6 anh chị em. Tuy nhiên, ông N là con út lại không đồng ý ký kết các văn bản thủ tục phân chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại nên anh chị em trong gia đình không thể tiến hành làm thủ tục được. Nay ông N đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ U, cụ Tha để lại. Về nhận kỷ phần thừa kế ông H xin nhận bằng hiện vật và tặng cho bà A kỷ phần mình được hưởng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N quá trình tố tụng có lời khai trình bày: Công nhận lời khai của ông H về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ U, cụ Tha để lại, là đúng. Nay ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ U, cụ Tha để lại theo luật, ông N nhất trí. Ông N đề nghị xin nhận di sản thừa kế được chia theo luật kỷ phần được hưởng và xin nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại kỷ phần của mình bằng giá trị tiền mặt. Ông H xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị R có lời khai thống nhất với lời khai của ông H, bà L, bà A ông C, bà R nhất trí với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ U, cụ Tha để lại cho các anh chị em gồm 6 người. Kỷ phần thừa kế của bà L, bà A, ông C, bà R được chia, các ông bà đều xin nhận bằng hiện vật, tuy nhiên, các đương sự trên xin tặng kỷ phần của mình cho bà A và không yêu cầu bà A thanh toán bằng tiền. Bà A nhất trí nhận kỷ phần của ông H, bà R, bà L, ông C tặng cho. Do ông N đề nghị xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền nên bà A đề nghị được nhận sử dụng toàn bộ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 35 xã H Lý mang tên hộ ông Nguyễn Văn U là di sản thừa kế cụ Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị Tha (tức Nguyễn Thị U) để lại và xin có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế của ông N được hưởng cho ông N bằng tiền theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định giá trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H Hậu ý kiến:

- Tòa án nhân dân huyện H Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, xác nhận 908 m² đất (trong đó 260m² đất ở; 382m² đất vườn; 266m² đất ao) thuộc thửa số 90, tờ số 35 xã H Lý mang tên hộ ông Nguyễn Văn U là di sản thừa kế cụ Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị Tha (tức Nguyễn Thị U) để lại cho các đồng thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn H; bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn N. Kỷ phần thừa kế của ông H, bà R, ông C, bà L xin nhận bằng hiện vật và tặng cho bà A, bà A xin nhận và bà A cũng đề nghị nhận kỷ phần được chia bằng hiện vật. Ông N đề nghị xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Do đó, đề nghị HĐXX giao toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 35, xã H Lý, diện tích 908m² cho bà A sử dụng, bà A có trách nhiệm thanh toán cho ông N kỷ phần thừa kế của ông N bằng giá trị tài sản là phù hợp. Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn N xin vắng mặt có ý kiến xin giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn C vắng mặt đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H đại diện. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà R, ông C là phù hợp.

[2] *Về khối tài sản được xác định là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị U (tức Nguyễn Thị Tha):*

Đối với quyền sử dụng đất 908 m² tại thửa số 90, tờ bản đồ số 35 xã H Lý, một nhà mái bằng 5 gian lợp ngói và một số công trình xây dựng khác trên đất đều đã xuống cấp, các đương sự đều kê khai thống nhất về nguồn gốc là của cụ U, cụ Tha và không có sự biến động gì từ khi hai cụ sử dụng, quản lý, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 31/12/1998 cho đến nay hội đồng định giá tại thời điểm hiện tại có giá trị là 635.600.000đ. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không pH chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:*

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Thị U (tức Nguyễn Thị Tha) chết ngày 07-3-2007, thời điểm mở thừa kế của cụ U là ngày 07-3-2007; cụ Nguyễn Văn U chết ngày 26-12-2019, thời điểm mở thừa kế của cụ U là ngày 26-12-2019. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...” thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị U, Nguyễn Văn U còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về diện và hàng thừa kế:*

Năm 2007, cụ Nguyễn Thị U chết, trước khi chết không để lại di chúc. Năm 2019, cụ Nguyễn Văn U chết, trước khi chết cụ để lại di chúc chia tài sản của hai cụ cho 4 người con gồm: Bà R, ông C, bà L, bà A. Tuy nhiên, đến nay các con của hai cụ bà R, ông C, bà L, bà A đều đề nghị không công nhận di chúc và chia thừa kế tài sản của hai cụ để lại theo luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp.

Hàng thừa kế thứ nhất theo luật của cụ Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị U gồm: Ông H, bà R, bà A, bà L, ông C, ông N. Do đó, diện và hàng thừa kế của 2 cụ U gồm có 6 kỷ phần, chia đều cho 6 người con. Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 908 m² tại thửa số 90, tờ bản đồ số 35 xã H Lý, có giá là 635.600.000đ chia 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 151,3m² trị giá 105.933.333đ.

[5] *Về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất:*

Ông H, ông C, bà R, bà L, bà A đều đề nghị nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật; ông N đề nghị nhận kỷ phần bằng tiền. Ông H, ông C, bà R, bà L xin tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà A, không yêu cầu bà A pH thanh toán tiền, bà A nhất trí xin nhận thêm 4 kỷ phần được tặng cho. Xét đề nghị của ông H, ông C, bà R, bà L, bà A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận. Như vậy, bà A được chia 5 kỷ phần, tương đương giá trị 529.666.666đ. Bà A đề nghị nhận sử dụng toàn bộ thửa đất số 90 của hộ cụ U và có trách nhiệm thanh toán cho ông N kỷ phần của ông N là 105.933.333đ.

[6] *Về án phí:*

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông H đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A thuộc đối tượng người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên không pH nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N pH nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 184, 185, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị U (tức Nguyễn Thị Tha) để lại.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị U là quyền sử dụng diện tích 908 m² đất, trong trong đó 260m² đất ở; 382m² đất vườn; 266m² đất ao tại thửa số 90, tờ bản đồ số 35 xã H Lý có trị giá 635.600.000đ.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C tặng cho kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị A.

4. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị U:

Chia bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 35 xã H Lý, diện tích 908 m², trong đó 260m² đất ở; 382m² đất vườn; 266m² đất ao, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O389608 ngày 31-12-1998 mang tên hộ ông Nguyễn Văn U:

Bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn N cho ông N bằng tiền là 105.933.333đ (một trăm linh năm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

5. Về án phí:

Ông H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 (một triệu đồng) tại biên lai số 0002511 ngày 02-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H Hậu.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị A thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn N pH nộp 5.296.666đ (Năm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng

Bùi Văn Bình

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H Lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

